

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2025/DS-ST
Ngày: 12 - 9 - 2025
V/v: “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thông Phi;

2. Bà Phan Thị Thắng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 197/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2025, về việc: “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-DS, ngày 26 tháng 8 năm 2025; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng C; Địa chỉ: Số A, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường H, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng V – Phó giám đốc phòng C (theo văn bản số 184/UQ-NHCS.TL ngày 29/7/2025). Địa chỉ: Số A P, khu phố L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là thôn L, xã T, tỉnh Lâm Đồng). Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Đặng Bá N, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là Thôn M, xã B, tỉnh Lâm Đồng). Vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Đặng Bá A, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là Thôn M, xã B, tỉnh Lâm Đồng). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Theo khế ước vay vốn số 6600000717675334, ngày 11/05/2020, hộ ông Đặng Bá N, người thừa kế ông Đặng Bá A có vay vốn tại Ngân hàng C theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Thời hạn vay 5 năm (từ ngày 11/5/2020 đến 11/5/2025), lãi suất 9%/năm. Tiền lãi trên hợp đồng vay trả hàng tháng, tiền gốc trả theo phân kỳ.

Ngày 11/05/2020, Ngân hàng C thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng C đã giải ngân cho ông N số tiền vay 20.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông N đã thực hiện việc trả lãi định kỳ hàng tháng và trả bớt một phần nợ gốc cho Ngân hàng. Đến ngày 11/05/2025, đến hạn thanh toán toàn bộ nợ gốc nhưng ông N đã không thực hiện việc thanh toán nợ cho Ngân hàng C. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông Đặng Bá N và Đặng Bá A phải liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền nợ là 10.813.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 10.500.000 đồng và tiền lãi là 313.015 đồng và yêu cầu phải tiếp tục trả lãi theo khế ước vay tính từ ngày 13/9/2025 cho đến khi trả hết nợ.

[2] Bị đơn – ông Đặng Bá N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Bá A: Quá trình giải quyết vụ án, xác minh ông Đặng Bá N và ông Đặng Bá A có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là thôn M, xã B, tỉnh Lâm Đồng). Tuy nhiên ông N và ông A không thường xuyên có mặt tại địa phương do đã bỏ đi làm ăn xa. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông N, ông A theo quy định của tố tụng dân sự. Trong quá trình tố tụng, ông N, ông A biết thông tin về việc Ngân hàng C khởi kiện thông qua bà Đỗ Thị S là tổ trưởng tổ vay vốn Hội cựu chiến binh tại thôn C, xã M (nay là thôn M, xã B) nhưng ông N, ông A không chấp hành lên Tòa án làm việc để trình bày ý kiến, tham gia hòa giải cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C. Do đó, ông Đặng Bá N và ông Đặng Bá A không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

[3]. Tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập trong hồ sơ vụ án:

Chứng cứ mà nguyên đơn – N1 cung cấp gồm: 01 bản sao sổ vay vốn của người vay Đặng Bá N, 01 bản sao sổ lưu từ rời theo dõi cho vay – thu nợ – dư nợ; 01 bản sao giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay, 01 bản sao giấy uỷ quyền.

Chứng cứ bị đơn – ông Đặng Bá N cung cấp: không có.

Chứng cứ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Bá A cung cấp: Không có.

Chứng cứ Tòa án thu thập: Bản tự khai, biên bản xác minh, biên bản công khai chứng cứ; biên bản hoà giải.

Những tình tiết mà các đương sự thống nhất với nhau: Không có.

Những tình tiết mà các đương sự chưa thống nhất với nhau:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay theo khế ước vay số 6600000717675334 giữa Ngân hàng C và hộ ông Đặng Bá N.

Bị đơn không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử;

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, đã thực hiện đủ về quyền và nghĩa vụ đương sự theo Bộ luật dân sự tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và Điều 146, 147, 157, 165, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật các tổ chức tín dụng 2010; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn NHCSXH Việt Nam: Buộc ông Đặng Bá N và ông Đặng Bá A phải liên đới trả cho N1 10.500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng vay.

Về án phí: Buộc ông Đặng Bá N và ông Đặng Bá A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền nợ theo hợp đồng tín dụng. Ngoài yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các đương sự trong vụ án không còn yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại thôn M, xã B, tỉnh Lâm Đồng. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 Nghị quyết thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng C.

Căn cứ vào các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thể hiện: Hộ ông Đặng Bá N được xét duyệt cho vay vốn theo chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn của Ngân hàng C1. Ngày 11/5/2020, Ngân hàng C2 thông qua phòng giao dịch NHCSXH huyện C đã giải ngân cho ông Đặng Bá N vay số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Theo khế ước số 6600000717675334 thì thời hạn vay là 05 năm (từ ngày 11/5/2020 đến 11/5/2025), lãi suất 9%/năm. Tiền lãi trên hợp đồng vay trả hàng tháng, tiền gốc trả theo phân kỳ. Đến ngày 11/5/2025, đến hạn thanh toán toàn bộ số nợ gốc của khoản vay thì ông N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc. Khi Ngân hàng C thực hiện các biện pháp đôn đốc trả nợ thì ông N có nguyện vọng được gia hạn trả nợ vay nhưng không trực tiếp về làm thủ tục gia hạn khoản vay nên không được giải quyết gia hạn và cũng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo khế ước vay nhưng ông N vẫn tiếp tục trả lãi vay và một phần tiền gốc cho Ngân hàng thông qua tổ trưởng tổ vay vốn. Đến tháng 7/2025, sau khi biết thông tin Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ thì ông N không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy tính đến nay đã quá thời hạn trả nợ gốc theo khế ước vay nhưng ông Đặng Bá N đã không thanh toán nợ cho Ngân hàng C1. Do đó ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết tại khế ước vay số 6600000717675334. Từ ngày 11/05/2025, khoản nợ này đã chuyển sang nợ quá hạn. Vì vậy đối với yêu cầu của Ngân hàng C1 hiện nay buộc bị đơn ông N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông A phải thanh toán số nợ gốc và lãi là 10.813.015 đồng, trong đó nợ gốc 10.500.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 12/9/2025 là 313.015 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 100 và Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 nên cần được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn N1 được chấp nhận nên bị đơn ông Đặng Bá N và ông Đặng Bá A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 161, Điều 203, khoản 1 Điều 228; Điều 235, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 Nghị quyết thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực;

- Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng 2024;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C1 về việc buộc ông Đặng Bá N và Đặng Bá A phải trả tiền nợ vay.

Buộc ông Đặng Bá N và ông Đặng Bá A phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền 10.813.015 đồng (Mười triệu tám trăm mười ba ngàn không trăm mười lăm đồng), trong đó nợ gốc là 10.500.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 12/9/2025 là 313.015 đồng.

Kể từ ngày 13/9/2025, ông Đặng Bá N và ông Đặng Bá A phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng C theo khế ước vay số 6600007717675334.

2. Về án phí: Ông Đặng Bá N và ông Đặng Bá A phải có trách nhiệm liên đới nộp 541.000 đồng (Năm trăm bốn mươi một ngàn đồng án phí dân sự sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 16 – Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mận